

MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CÁT KHU VỰC SÔNG THÁI BÌNH VÀ SÔNG KINH THẦY THUỘC TỈNH HẢI DƯƠNG

ThS. HOÀNG CAO PHƯƠNG, ThS. NGUYỄN XUÂN QUANG

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản

KS. MAI VĂN TÂM - Sở TNMT tỉnh Hải Dương

1. Tiềm năng cát sông Thái Bình và sông Kinh Thầy

Với vị trí chiến lược nằm trong vùng tam giác kinh tế: Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh; cùng với cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư ngày càng được cải tiến theo hướng mở; trong những năm vừa qua tỉnh Hải Dương đã thu hút được nhiều nhà đầu tư trong nước và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực. Theo kết quả điều tra sơ bộ, mỗi năm trên địa bàn

tỉnh cần khoảng từ 3,5 đến 4 triệu m^3 cát phục vụ cho san lấp mặt bằng các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, các khu dân cư tập trung và cho nhu cầu xây dựng dân dụng của nhân dân. Nguồn vật liệu xây dựng này được cung cấp chủ yếu từ việc khai thác cát trên một số tuyến sông trên địa bàn tỉnh, tập trung chủ yếu ở hai tuyến sông chính là sông Thái Bình và sông Kinh Thầy.

Bảng 1.

T T	Tên bãi bồi	Diện tích tính trữ lượng, ha	Độ sâu tính trữ lượng, m	Trữ lượng cát (m^3)	Quy mô mỏ	Mức độ điều tra	Phân cấp trữ lượng
I. Sông Thái Bình				23.281.785			
1	Bãi bồi Hiệp Cát 1	32	-3	960.000	Nhỏ	TK	Cấp P
2	Bãi bồi Hiệp Cát 2	11	-3	330.000	Nhỏ	TK	Cấp P
3	Bãi bồi Kênh Vàng	20	-3	600.000	Nhỏ	TK	Cấp P
4	Bãi bồi Thái Tân 2	53	-3	1.590.000	Trung bình	TK	Cấp P
5	Bãi bồi Đức Chính	222,93	-3	6.687.000	Trung bình	TK	Cấp P
6	Bãi bồi Minh Tân	28	-3	840.000	Nhỏ	TK	Cấp P
7	Bãi bồi Đại Đồng	210	-5	4.630.765	Trung bình	TDSB	Cấp C ₂
8	Bãi bồi Phượng Hoàng	12	-3	360.000	Nhỏ	TK	Cấp P
9	Bãi bồi Tứ Xuyên	220	-5	4.404.020	Trung bình	TDSB	Cấp C ₂
10	Bãi bồi An Thanh	96	-3	2.880.000	Trung bình	TK	Cấp P
II. Sông Kinh Thầy				30.556.634			
1	Bãi bồi Nam Hưng	29,2	-9,5	2.774.000	Trung bình	TK	Cấp P
2	Bãi bồi Vĩnh Trụ	223,71	-6	8.485.714	Lớn	TDSB	Cấp C ₂
3	Bãi bồi Đồng Lạc	62	-9,5	5.890.000	Trung bình	TK	Cấp P
4	Bãi bồi Cộng Hoà	218,0	-8	7.317.920	Trung bình	TDSB	Cấp C ₂
5	Bãi bồi Phúc Thành	18,1	-9,5	1.719.000	Trung bình	TK	Cấp P
6	Bãi bồi Cầu Quan	20	-9,5	1.900.000	Trung bình	TK	Cấp P
7	Bãi bồi Lê Ninh	11	-9,5	1.045.000	Nhỏ	TK	Cấp P
8	Bãi bồi Bến Triều	03	-9,5	285.000	Nhỏ	TK	Cấp P
9	Bãi bồi Kinh Chủ	12	-9,5	1.140.000	Nhỏ	TK	Cấp P
Tổng cộng (I+II)				53.838.419			

Trong đó: Trữ lượng tài nguyên dự báo cấp P: 29.000.000 m^3 ; trữ lượng cấp C₂: 838.419 m^3 .

Bảng 2.

T T	Tên bãi cạn	Vị trí (km sông)	Chuẩn tắc luồng			Khối lượng, m ³
			Cao độ đáy, m	Chiều rộng nạo vét, m	Chiều dài nạo vét, m	
I. Sông Thái Bình						481.000
1	Bãi Kênh Vàng	Km 08	- 1,60	30	2.000	96.000
2	Bãi Mạc Cầu	Km 16	- 1,80	30	1.500	81.000
3	Bãi Cống Cầu	Km 35	- 2,20	30	1.000	66.000
4	Bãi ngã ba Gù	Km 52	- 2,50	30	1.500	112.500
5	Bãi ngã ba Mía	Km 63	- 2,80	30	1.500	126.000
II. Sông Kinh Thầy						820.000
1	Bãi Lầu Khê	Km 01	- 1,6	40	1.500	96.000
2	Bãi Vĩnh Trụ	Km 14	- 1,8	40	2.000	144.000
3	Bãi Mạc Ngạn	Km 21	- 2,00	40	1.000	80.000
4	Bãi Kênh Giang	Km 29	- 2,01	40	1.500	150.000
5	Bãi Bến Triều	Km 34	- 2,50	40	2.000	200.000
6	Bãi Kinh Chủ	Km 37	- 2,50	40	1.500	150.000
	Tổng cộng (I+II)					1.301.000

Theo dự báo trong những năm tới nhu cầu về cát dùng cho san lấp và xây dựng sẽ còn tiếp tục tăng theo tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh; ước tính mỗi năm trên địa bàn tỉnh cần khoảng từ 8 đến 10 triệu m³. Trong khi đó, việc cấp giấy phép khai thác cát hiện nay mới chỉ là hình thức cấp giấy phép khai thác tận thu nhằm khơi thông dòng chảy và nạo vét bến cảng với khối lượng 50.000m³ cho một đoạn sông khai thác trong mùa khô (từ 15/10 năm trước đến 30/4 năm sau). Nguồn cung này không thể đáp ứng nhu cầu sử dụng cát.

Từ những vấn đề nêu trên, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 489/2004/QĐ-UBND giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì nghiên cứu đề tài "Điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng cát sông Thái Bình, sông Kinh Thầy và đề xuất các giải pháp khai thác cát hợp lý để bảo vệ môi trường".

Sau hơn một năm tiến hành nghiên cứu, điều tra, khảo sát đã xác định được 19 vị trí tích tụ cát bãi bồi có khả năng cho khai thác cát trên hai tuyến sông (Bảng 1); đồng thời xác định được 11 vị trí thường xuyên phải nạo vét hàng năm với tổng khối lượng cần nạo vét là: 1.301.000 m³/năm (Bảng 2).

Với trữ lượng cát nêu trên, nếu được quản lý, khai thác một cách phù hợp thì hoàn toàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu sử dụng cát trên địa bàn tỉnh trong những năm tới đây.

2. Thực trạng hoạt động khai thác cát

Hoạt động lập bến bãi kinh doanh cát sỏi lòng sông được Ủy ban Nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cấp giấy phép. Trong thực tế hầu hết các hộ kinh doanh cát sỏi lòng sông không có giấy phép lập bến bãi theo

quy định, vì vậy tình trạng lập bến bãi tùy tiện đã gây hậu quả xấu cho công tác bảo vệ môi trường, an toàn giao thông đường thủy và tiếp tay tiêu thụ cho hoạt động khai thác cát sông trái phép.

Hoạt động khai thác, tiêu thụ cát trái phép đã gây thất thoát hàng tỷ đồng tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp mỗi năm; gây mất trật tự và an toàn trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa; ảnh hưởng trực tiếp tới sự biến đổi, diễn biến dòng chảy, gây sạt lở hai bên bờ sông và các công trình chỉnh trị lòng sông như: hệ thống kè đá, hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa; gây ô nhiễm môi trường sinh thái; vi phạm nghiêm trọng Luật Khoáng sản, Luật Giao thông đường thủy nội địa và gây bất bình trong nhân dân. Kết quả kiểm tra đã phát hiện một số khu vực khai thác trái phép gây hậu quả nghiêm trọng như:

❖ Khai thác gây sạt lở khu vực bãi bồi sông Thái Bình đoạn thuộc địa phận xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng với chiều dài gần 4.000 m.

❖ Khai thác tại khu bãi bồi trên sông Kinh Thầy đoạn thuộc địa phận xã Cộng Hoà, huyện Nam Sách sạt lở gần 30 ha đất.

❖ Khai thác, vận chuyển tại khu vực kè ộp bờ, xã Đồng Lạc, huyện Chí Linh khiến hàng chục kilomet đê có nguy cơ mất an toàn trong mùa lũ, bão do quá trình khai thác và vận chuyển cát trái phép.

3. Một số giải pháp quản lý

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý hoạt động khai thác cát lòng sông trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

(Xem tiếp trang 57)

máy tuyển Knelson hiện đang sản xuất ra 1,25 triệu ounces vàng/năm, tương đương với 25% sản lượng vàng của toàn Canada. Công ty Knelson cũng đã phát triển lớn mạnh thành Tập đoàn Knelson với hơn 140 chuyên gia, có trụ sở chính đặt tại Langley, Canada và mạng lưới công ty đại diện đặt ở 42 nước trên toàn cầu.

Không chỉ quan tâm tới phát triển kỹ thuật, mở rộng kinh doanh, Knelson còn rất quan tâm tới việc đào tạo những chuyên gia thế hệ sau. Ở tuổi 80 ông vẫn tiếp tục say sưa thảo luận với các đồng nghiệp trẻ về những ý tưởng chế tạo ra thế hệ máy tuyển Knelson hoàn hảo hơn. Ngành tuyển khoáng thế giới luôn đợi chờ những sáng tạo mới, những đóng góp tiếp theo của ông. Nhưng quy luật nghiệt ngã của cuộc sống đã không cho phép chúng ta chứng kiến thêm những thành tựu mới của ông. Ngày 29-8-2011, một tin dữ được thông báo đi từ Langley, British Columbia, Canada: "Ngài Byron Knelson đã qua đời ở tuổi 80 do bệnh ung thư".

Giới chuyên môn tuyển khoáng toàn cầu bàng hoàng, tiếc thương một con người tài năng, một người thợ sáng tạo, một doanh nhân thành đạt, một người thầy về tuyển khoáng, dù ông chưa hề qua một lớp đào tạo chuyên ngành nào. Byron Knelson là một tấm gương sáng chói về lao động sáng tạo. Di sản đáng tự hào mà ông đã để lại cho chúng ta là những thiết bị tuyển Knelson ngày càng hoàn hảo hơn, một cuộc cách mạng trong công nghệ tuyển vàng với những lợi ích to lớn về kinh tế và môi trường. Sự đóng góp của ông cho sự phát triển ngành công nghiệp tuyển khoáng toàn cầu đã và mãi được ghi nhận và trân trọng. Mọi người sẽ không thể nào quên hình ảnh của ông: một con người thông minh, sắc sảo, hài hước, có nụ cười nhân ái, sẵn sàng chia sẻ những kiến thức uyên thâm, những lợi ích to lớn từ sáng tạo của mình cho nhân loại. □

NGUYỄN THỊ ĐOÀN HẠNH

(Theo Canadian Mining Journal, August -2011)

MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ...

(Tiếp theo trang 54)

❖ Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và huyện liên quan lập quy hoạch tổng thể hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt; trong đó chú trọng vào các bãi bồi có diện tích và trữ lượng lớn đã được khảo sát. Nội dung Quy hoạch cần xác định tổng thể nhu cầu cát xây dựng của từng dự án, từng khu vực để xác định cụ thể thời gian khai thác từng khu vực nhằm giảm chi phí khai thác và chi phí vận chuyển.

❖ Trong quá trình lập quy hoạch; ngoài việc xác định các yếu tố về an toàn của hệ thống đê điều, giao thông đường thủy, cần có quy hoạch sử dụng tổng hợp khoáng sản sét, đất phù sa và quy hoạch sử dụng diện tích bãi bồi sau khi kết thúc khai thác cát, sỏi.

❖ Đối với các diện tích đã được quy hoạch thăm dò khai thác cát, sỏi, các địa phương cần đưa vào diện tích đất quy hoạch dùng cho khai thác khoáng sản và nuôi trồng thủy sản, tránh tình trạng quy hoạch sử dụng đất chồng chéo gây lãng phí.

❖ Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, Ủy ban Nhân dân tỉnh cần có cơ chế khuyến khích kêu gọi các nhà đầu tư tiến hành đầu tư, thăm dò và khai thác cát quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường để khai thác cát trên địa bàn tỉnh.

❖ Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương trong công tác phối hợp

kiểm tra, xử lý các tổ chức và cá nhân kinh doanh, khai thác cát sông trái phép; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm theo quy định của pháp luật.

❖ Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp nhân dân nhằm hạn chế, tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc khai thác, vận chuyển kinh doanh cát trái phép trên địa bàn tỉnh. □

Người biên tập: Hồ Sĩ Giao

SUMMARY

At the present the sand exploitation and trade from river bottom in hai Duong province has acting with bed results making bed influences on the damp protection, water transportation.... Basing on the practice, the paper suggests some solutions to management in the sand exploitation and trade.

HOA THƠM-ĐỎ LẠ

1. Khôn ngoan không đợi tuổi. Đại đột chẳng có thời. Ngạn ngữ Nhật Bản.

2. Tiền bạc hoặc là phụng sự hoặc là cai trị kẻ làm chủ nó. Horace.

3. Sách vở là con tàu tư duy vượt qua sông nước thời gian chở những phẩm vật quý giá từ thế hệ này sang thế hệ khác. F. Bacon.

VTH sưu tầm